NĂM THỨ NĂM Số 210 Thứ năm, 1er tháng 11-1945

TRI TÂN

TẠP CHÍ

Giá 1$20

Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm thứ nhất

Ủng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ

SO SÁNH TÌNH-HÌNH QUỐC-TẾ

CỦA NƯỚC TA VÀ NƯỚC PHÁP 1847 - 1945

NGUYỄN THIỆU LÂU

Người Pháp khởi đầu cuộc xâm lăng nước ta năm 1847, trước khi vua Thiệu-trị băng hà. Rồi họ thăng mãi, chiếm dần cả nước ta, lập đô-hộ cho đến ngày 9 tháng 3 năm nay, ngày mà họ bị người Nhật lật đổ. Chính phủ ta đã tuyên bố Độc-lập ngay trong khi người Nhật chưa bị thất bại. Hoàn cầu lại càng biết rõ chí Độc-lập của ta sau khi ta thiết Việt-nam dân chủ công-hòa.

Ấy thế mà người Pháp còn mưu cuộc xâm-lăng mà bắt đầu lại ở Nam-bộ.

1847, 1945 : một thế-kỷ đã qua. Vẫn một kẻ thù đó ! Vẫn một mối nguy nan tai hại cho giống nòi, cho văn-hóa : ấy là sự đô-hộ, sự nô-lệ !

Ta đã biết qua về vấn-đề Duy-tân và Bảo-vệ nước ta về cuối đời vua Tự-đức (xem Tri-Tân số 209).

Bây giờ, vấn-đề đó lại đặt ra, nhưng *tình hình quốc-tế của nước ta và nước Pháp có giống như một thế-kỷ trước không ?*

***

1847, người Pháp khởi đầu xâm lăng nước ta. Đó là do lòng *ham muốn thổ sản* của các nước ở nhiệt đới. Sau năm 1870, sau khi họ bị người Đức đánh bại và phải nhượng miền Alsace-Lorraine thời họ cố ý *chiếm đất đai của ta* và *khuếch-trương nguyên-liệu* nước ta để bành trướng kỹ-nghệ của họ.

Cùng đi đôi với họ là người Anh, muốn xâm chiếm Diến-điện.

Chính sách thực-dân ở Nam-dương quần đảo đã do người Hòa-lan thi-hành từ vài thế-kỷ trước.

Người Pháp đã đi theo một phong-trào do các đế-quốc Âu-châu khởi xướng : phong-trào thực dân !

Nước Đức không hưởng ứng phong-trào đó vì chỉ lo tổ-chức kinh-tế và binh bị trong nước mà thôi.

Nước Nga hồi đó hãy còn ở trong vòng đen tối của nền quân-chủ độc-tài, và chưa phải là một đại cường quốc về kinh-tế và binh-bị.

Nước Mỹ cũng chưa có ảnh-hưởng gì quan trọng trên quốc-tế và thứ nhất là ở Á-đông.

Nước Trung-hoa thời bắt đầu lâm vào họa « qua phân », làm một mồi to cho các đế-quốc xâm lăng.

Còn nước ta thời ngoài nước Trung-hoa không có một nước nào để ý tới ! Trung hoa có giúp ta chống giữ độc-lập nhưng sau này chính Trung-hoa cũng không tự giữ nổi mình kia mà !

Óc kháng chiến của ta đã rất mạnh ! Riêng Đại-tướng Nguyễn-tri Phương cũng đã đổ biển lộ óc kháng-chiến ấy !

Nhưng *ta đã thua vì tình hình quốc-tế bất lợi cho ta và hoàn-toàn lợi cho Pháp !*

***

1945 !

Tình hình quốc-tế thay đổi hẳn

Các nước bị áp bức ở phía Nam Á châu đều nổi dậy !

Nam dương quần-đảo !

Diến-điện !

Mã-lai !

Phi-luật-tân

Cao-man

Ai-lao và

Việt-Nam !

Cả một phần lớn thế giới bị áp bức nổi dậy chống nạn thực dân! *Sự kháng cự của ta thuộc vào một phong trào độc-lập.*

Các cường-quốc lại ủng-hộ phong-trào đó ! Hiến-chương Đại-tây-dương do đồng-minh thảo ra đã nói rõ ! Mỹ, Nga và Trung-hoa đều đã lên tiếng về nước Việt-nam ta !

(Xem tiếp trang 17)

Toàn dân Việt-nam hãy cùng nhau hô:

Kháng chiến

KIẾN-XƯƠNG

SAU hơn 80 năm ê chề trong vòng nô lệ, bây giờ chúng ta mới lại được kháng chiến! Phải nói là « được Kháng chiến » vì đây là một vinh dự, may mắn sung sướng như người ở trong hang tối bỗng được nhìn thấy ánh sáng mặt trời.

Những bạn sĩ phu đã bị hỏng thi, những bạn làm ruộng đã bị nước lụt ngập lúa, những bạn làm thợ, lỡ tay đánh hỏng một vật mình đang sửa chữa, những bạn buôn bán vì tính sai một nước nên hỏng cả đồ! các bạn đã nghĩ gì ngay sau khi thất bại.

Được làm lại! được thi lại, cấy lại, chữa lại, hay buôn lại, trăm nghìn như một, không ai không mong được làm lại cái việc đã chót hỏng mất rồi.

Thì đây, cái việc « kháng chiến » thất bại của ta từ 80 năm nay, để đến nỗi nước mất nhà tan ngày nay chúng ta được làm lại.

Phải là một sự vinh hạnh, may mắn, lịch sử, 100, 1000 mới có một mà cái thế hệ chúng ta cũng tốt phúc, hữu duyên, mới được gặp để đem thi thố cái tài, cái trí, cái hy sinh, cảm tử cái hoài bão ấm ức tha thiết mà kiếp người đã ôm nặng trong lòng từ khi được nhìn thấy ánh sáng của nhân gian.

Bánh xe lịch sử đã quay, thì không có hề trở lại, nhưng riêng ở xứ ta, riêng về việc kháng chiến, lịch sử thực như đã quá nhân nhượng đã quá đa tình, nên ném lại giây lát, để cho chúng ta được làm lại cái việc mà trước kia chúng ta đã không được làm với hết cả lực lượng, với tất cả khôn ngoan.

Thế hệ chúng ta thực là « tối hậu khách » của thời gian, không phải đợi thúc giục, không phải đợi mời mọc, chúng ta hãy nhảy lên, sống ra nắm lấy cái cơ hội, nắm lấy cái hạnh ngộ mà có đầy kiếp tu mới được gặp Kháng chiến, đối với chúng ta phải là một hạnh phúc một sự vui mừng, sung sướng, vỡ ra, bùng lên như ngọn lửa được reo, dòng thác được rội, con lốc được cuốn, ánh sáng được sơ rọi, tưng bừng rực rỡ khắp không gian.

Kháng chiến phải là tất cả sự sống của dân tộc ta cái sức sống bền bỉ, dai dẳng nhẫn nại, kiên cường, hun đúc trong lò lịch sử hơn 4000 năm, bây giờ được kết tinh, lại, đúc khuôn lên, rèn thẳng ra, để ném mạnh vào trường chiến đấu.

Kháng chiến, phải là tất cả nỗi đau đớn uất, nỗi hoài bão thiết tha mơ mộng, của cả một dân tộc 80 năm trường bị dẫy sẻo, kìm kẹp dưới gót sắt của bọn thực dân phát xít.

Kháng chiến phải là tiếng nói mở đầu của tất cả các câu chuyện, phải là một khẩu hiệu của khắp toàn quốc, phải là một ý tâm niệm, bất cứ đêm ngày, ngồi, đứng, của khắp các tầng lớp dân chúng không phân biệt, già trẻ, giàu nghèo, trai gái, từ đứa bé con ẵm ngửa cho đến ông già sắp hấp hối.

Trước khi được ra ngoài mặt trận để vẫn minh, sống thẳng, bơi lội vào trong vòng chiến đấu, chúng ta khắp toàn quốc, lúc nào cũng phải háo hức, mong đợi, nóng nảy, chân thành, coi kháng chiến như hạnh phúc, như thiên đường như Niết bàn

Sống chết có nghĩa lý gì đâu? Cái sống nô lệ thực nặng quá đá đeo, mà cái chết chiến đấu nhẹ quá lông hồng. Chỉ có kháng chiến, kháng chiến mới là đạo sống, là lẽ chết mà chúng ta phải rương mình đón lấy.

Kháng chiến! tất cả đồng bào hãy ngẩy người nhìn cho thấy cả một phương trời lửa chiến đấu đang bùng bùng sáng rực, [illegible] Nam [illegible] dưới lớp [illegible] trước [illegible] chúng ta hãy khép chặt hàng ngũ, để sắp sửa [illegible] cùng nhau nối gót tiến lên.

Cuộc hội đàm giữa Hồ chủ tịch với các nhà báo Hoa Mỹ Việt Pháp

NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

Hồi 9 giờ sáng thứ bảy 24-10-1945 Cụ Hồ chí-Minh, chủ tịch chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa Việt nam đã tiếp các ký giả báo giới ngoại quốc và Việt nam.

Trong số ấy, chúng tôi nhận thấy có các đại biểu báo Trung Hoa ở Trùng khánh, Vân Nam, Hà nội, ký giả hãng thông tấn xã, đại biểu báo Mỹ United Press Hoyl Palmer, đại biểu hãng Agence France Press cũng đến họp và hầu hết đại biểu báo hàng ngày và hàng tuần ở Bắc bộ.

Để khai mạc cuộc hội đàm có tính cách quốc tế, Hồ chủ tịch bằng một giọng vui vẻ nói:

— Hôm nay tôi được tiếp ký giả báo giới quốc tế thật là một cuộc hội họp mà tôi lấy làm hân hạnh vì sự gặp gỡ của chúng ta đúng như câu « tứ hải nhất gia » Tuy rằng trong này có bạn đồng nghiệp mà ở ngoài ta cho là cừu địch nhưng ông ấy là bạn thân của tôi, tôi cũng xin các ký giả ở đây coi như là bạn. — Thời giờ rất ít có lẽ câu truyện hai phần ta chỉ nói được một, các ngài cần hỏi điều gì xin hỏi vắn tắt, tôi xin vui lòng giả nhời.

Sau một phút im lặng, cuộc phỏng vấn Chủ tịch bắt đầu.

Các đồng nghiệp ngoại quốc đều tiếng nước mình. Ông Lê tùng Sơn dịch ra tiếng Trung Hoa bạn Trịnh hồ Uy ở Việt nam thời báo dịch ra tiếng Anh và trong lúc nói truyện Hồ chủ tịch đã dùng cả hai thứ tiếng để nói thêm tuy nhiên trong khi giả nhời ngài đều dùng tiếng Việt cả.

Một bạn đồng nghiệp Trung Hoa khởi lên trước về vấn đề Hiến pháp.

hỏi — Xin ngài cho hết vẻ hiến pháp của nước Việt nam ?

Đáp — Hiến pháp Việt nam đã thảo rồi, vài hôm nữa sẽ công bố, công bố cho nhân dân tỏ bày ý kiến và chờ khi có đại hội nghị toàn quốc họp vào tháng chạp sẽ duyệt và thi hành.

Hỏi — Bao giờ đại hội nghị toàn quốc sẽ họp ?

Đáp — Vào độ 23 tháng chạp này.

Hỏi — Chính phủ đã nhất định ngày họp quốc hội chưa ?

Đáp — Chỉ chờ có truyện gì sẩy ra mới phải hoãn.

Hỏi — Cách cử đại biểu như thế nào ?

Đáp — Cứ 6 vạn dân có một đại biểu, cần quyền bạn thì trái gái như nhau, cứ 18 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử bầu cử.

Hỏi — Người ngoại quốc sinh ở nước Việt-nam có được quyền lợi gì không ?

Đáp — Nếu những người ấy có vào quốc tịch Việt nam thì cũng được như người Việt nam.

Một bạn đồng nghiệp Trung Hoa khác hỏi về vấn đề tiểu nhược dân.

Hỏi — Ai lao và Cao-mên có can hệ với nước Việt-nam thế nào ?

Đáp — Mên, Lào đều là thiểu số dân tộc, nhưng nước Việt-nam bao giờ cũng tôn trọng chủ quyền và theo nghĩa dân tộc tự quyết của hai nước ấy.

Nếu sau này có tổ chức một liên-bang về chính trị cũng như văn hóa, kinh tế, nước Việt nam sẽ cùng phụ trách và giúp đỡ

Hỏi — Chính quyền ở Ai-lao hiện nay ở tay ai ?

Đáp — Chính quyền hiện ở tay một số người thân Pháp song ở Lào đã lập thành một Chính phủ dân chủ lâm thời và đang vận động đành lấy quyền độc-lập theo như nước Việt-nam.

Hỏi — Hiện giờ, lực lượng của người Pháp ở Lào không to người Pháp đã lấy lực-lượng nào để đàn-áp dân Ai-lao ?

Đáp — Lực lượng của Pháp không to, nhưng đối phương nhỏ nên họ mới áp bức được.

Hỏi — Cuộc kháng chiến ở Nam bộ có người Cao mên tham gia không ?

Đáp — Không.

Một ký giả Trung Hoa hỏi về vấn đề Tài-chính Việt-nam.

Hồ chủ tịch đáp :

Chính phủ tất nhiên phải có kế hoạch về Tài-chính như nhời Khổng tử đã nói : có người thì có đất, có đất thì có của, có của thì có việc dùng. Cái kế hoạch Tài chính của Chính phủ Việt-nam là phát triển các nhành : nông, công, thương, nghiệp, nhưng muốn làm thực-hiện còn phải tranh đấu khó khăn.

Đáp câu hỏi của một ký giả về đảng phái, Hồ chủ tịch nói :

— Khi chưa nắm được chính quyền, mặt trận Việt Minh gồm có các đoàn thể cứu quốc.

Trước ngày bầu chính có họp một kỳ hội ngoại dân tộc giải phóng

Rồi sau khi nắm được chính quyền, thì chính quyền ấy ở trong tay Chính phủ lâm thời của toàn dân không phân đảng phái mà là liên hiệp cả cho nên có 7, 8 đảng bộ-trưởng không ở đảng phái nào.

Hỏi — Tương lai chính thức của Chính phủ thế nào ?

Đ. — Sau khi bạn bỏ Hồ Pháp sẽ là Chính phủ chính thức thành lập.

H. — Có phải lâm thời chính phủ dự định phái người liên lạc với liên hiệp quốc Trung Anh Mỹ không ?

Đ. — Chính phủ V. N. bao giờ cũng nỗ lực thân mật với các nước bạn, cửa ngoại giao chưa mở rộng thì Chính phủ tìm đường mở thông với Trung quốc rồi đến các nước bạn.

Lại một ký giả nêu lên câu hỏi :

— Chủ tịch là người cầm đầu cuộc Nhân Dân Cách Mệnh Việt Nam. Vậy về vấn đề chủ quan và khách quan thế nào ?

Đáp — về chủ quan một là dân tộc đoàn kết, các ngài đã thấy tôn giáo đoàn kết, các tầng lớp xã hội đoàn kết mà cả đến thiểu số dân tộc cũng vậy — Hai là dân tộc quyết tâm, quyết tâm vì chính nghĩa mà phấn đấu.

Về khách quan, thế giới chiến tranh vừa rồi, các nước đồng minh vì trống phát xít giả phóng các dân tộc, nước chúng tôi có một nước bạn đã mấy nghìn năm sẽ giúp chúng tôi về tinh thần trong việc vận động độc lập.

Các nước chuộng hòa bình ngoài mặt thế nào mặc lòng nhưng trong vẫn tận đồng với nước chúng tôi. Ngay trong việc trống quân Pháp xâm lăng nhân dân Pháp cũng biểu đồng tình với chúng tôi.

Một bạn đồng nghiệp gỡ lại câu truyện đảng phái hỏi.

— Cuộc đàm phán giữa hai đảng trong nước đã thao hiệp ?

Đ — Cuộc đàm phán không có gì bí mật nhưng rất giản dị

Bạn đồng nghiệp Pháp lan vào một câu hỏi.

— Việt nam với Pháp có thể nói truyện được không ?

Chủ tịch cười đáp :

Có thể lắm ! nhưng Chính phủ Pháp phải cử đại biểu có toàn quyền và đến đây một cách hòa bình không đem súng đạn hoặc gửi thư công khai chúng tôi có thể gửi đại biểu qua Pháp để nói truyện.

Một đại biểu hỏi.

— Phòng thử các nước Đồng minh lại giao Việt nam lại cho Pháp, ngài ngữ sao ?

Đ — Tôi không thể tin có sự như thế vì có cả Hiến Chương Đại tây dương và hiệp ước Cựu kim sơn của vì phỏng có những chỉ là một giả thuyết thời dân tộc chúng tôi sẽ đi vào chỗ chết để tìm lấy một con đường sống.

Một vài bạn đồng nghiệp Việt nam hỏi về việc nội trị Hồ chủ tịch đều trả lời một cách trầm giai và rõ ràng.

Cuộc hỏi truyện đã kéo giài trong ngót hai tiếng đồng hồ chúng tôi ra về mang theo một cái cảm tưởng rất lạc quan về vị Lãnh tụ đã làm vẻ vang cho dân tộc Việt nam trong một buổi giao thiệp với ký giả báo chí ngoại quốc.

N. T. P.

HIẾN PHÁP NGŨ QUYỀN CỦA TÔN TRUNG SƠN

TRÚC-KHÊ

Từ khi chính trị của các nước đặt ra một cái khế ước để chia định quyền hạn của các cơ quan mà gọi là hiến-pháp tới nay, người ta chỉ nghe thấy những cái hiến-pháp tam quyền, hiến pháp nhị quyền, chứ chưa từng nghe thấy hiến pháp ngũ quyền bao giờ. Hiến pháp tam quyền thì như là hiến pháp nước Mỹ tam quyền là lập-pháp, hành-chính tư-pháp, hiến pháp nhị quyền thì như là hiến pháp nước Pháp, nhị quyền là lập pháp, hành pháp (kiêm hành chính, tư pháp). Các nhà chính trị so đi sánh lại, đều nhận rằng hiến pháp nước Mỹ là tốt hơn hết cả; ngay như nước Anh là nước phát sinh ra hiến pháp mà nhà chính trị Anh cũng phải nói là từ khi có thế giới, duy có hiến-pháp tam-quyền của nước Mỹ là tốt nhất không nước nào bằng. Hiến-pháp sản sinh ra, đầu ở nước Anh. Nước Anh từ sau cuộc đại cách-mệnh đem quyền của vua dần dần chia ra hành một cái thói quen về chính trị, giống như kiểu tam quyền phân lập, kỳ thực người Anh cũng không tự biết rằng đó là tam quyền phân lập, chỉ là làm theo ý muốn hợp với cái thiên-tính tự-do của mình. Thế rồi ở Pháp, có nhà học giả là Mạnh-đức-tư-ưu (Montesquieu, 1689-1755) căn cứ vào cái tập quán chính trị của nước Anh, viết thành quyển Vạn pháp tinh lý, phát minh cái học thuyết tam quyền độc lập, chủ trương rằng ba quyền lập pháp, tư pháp, hành-chính phải đứng riêng rẽ. Họ Mạnh phát minh cái học thuyết ba quyền phân lập chưa được bao lâu thì ở Mỹ có cuộc cách mệnh, rồi người Mỹ căn-cứ vào học thuyết tam quyền của họ Mạnh dùng cái văn tự chặt chẽ mà lập nên một bản hiến pháp. Bản hiến pháp nay người ta gọi là hiến-pháp thành văn, vì nó được biên thành chữ nghĩa bằng hẳn hoi, trái với hiến-pháp bất thành văn của Anh, vì chỉ theo tập-quán chứ không biên thành chữ nghĩa.

Hiến pháp tam quyền của Mỹ được nhiều người khen ngợi là tốt, và các nước châu Âu, sau những cuộc cách mệnh, nhiều nước bắt chước hiến-pháp ấy để định lập ra hiến-pháp của nước mình. Thế thì Trung-sơn tiên-sinh nhà lãnh đạo cuộc đại cách mệnh ở Trung quốc đầu thế-kỷ này, sao không bắt chước theo hiến-pháp của những nước dân-chủ tiên tiến, lại còn sáng lập ra một thứ hiến pháp ngũ quyền là những quyền gì vậy?

Nguyên trong khi theo đuổi công cuộc cách mệnh năm năm tháng tháng, ông bôn tẩu ở các nước ngoài, nhân những thì giờ nhàn rỗi, lưu tâm nghiên cứu các chính trị của các nước, để dự bị cho khi cách mệnh thành công, sẽ làm cái gốc mà kiến thiết tổ quốc. Bằng cặp mắt và bộ óc sáng suốt của ông, ông đã thu được cả kết quả của sự nghiên cứu. Kết quả ông thấy rằng: Hiến-pháp nước Mỹ còn có nhiều những chỗ không được hoàn bị, khiến cho sự vận động về pháp-luật không được đầy đủ, nỗ lực tệ chẳng phải là ít. Không những một mình ông nhận thấy như ấy, các học giả Âu Mỹ gần đây cũng có nhiều người đã nhận thấy như ông. Có lẽ hiến pháp ấy nó ra đời ở thế kỷ trước mà tồn tại đến thế kỷ này, người ta đã tìm thấy ở nó những cái khuyết điểm.

Sau khi nghiên cứu dân đó ông Tôn muốn tìm cách bổ cứu những khuyết điểm ở trong hiến-pháp nước Mỹ. Nhưng bổ cứu chẳng phải là một sự dễ dương suy nghĩ, ông chợt nhớ có ông giáo sư Hỷ tư-La dạy ở trường đại học Cô-luân bi-a (Columbia) ngày trước, có soạn ra một quyển sách nhan là «tự do», trong đó nói ba quyền không đủ, cần phải đặt ra bốn quyền, bốn quyền của Hỷ là muốn đem cái quyền đàm hặc của Quốc-hội, trích ra để đặt làm một quyền độc lập. Ông

(Xem tiếp trang 15)

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN THI BÍCH

Số 10 — Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thấy người trước đón trên đàng,
Gửi rằng: « Gá Nguyễn-văn Tường chực nơi. »
Phán rằng: « Sự đã nhường này,
« Người nên ở lại ngõ rày sử phân ».
Vâng lời Tường mới lui chân (1)
Giả ra khỏi cửa dần lần dõi theo
Thoạt trông rất đỗi nghiêng nghéo
Gươm huây trước mặt người xiêu bên đường
Nhẫn mong thoát chốn laiương,
Lấn nhau chẳng tưởng chạy băng đạp vầy.
Trẻ già la khóc vang rầy (2)
Xa trông mù mịt khói bay lửa hằng,
Dắc (nhắc) cầu đốt quán tả ng bằng,
Là mưu Tôn-Thuyết dứt chừ ng truy binh
Than thay! đi in sự tan tành
Loạn ly mới biết thảm tình nỗi ni (này).
Kim-luông vừa mới tới đây,
Đón xin dừng lại, Đạo nay có lòng,
Song mà ai khẳng tin cùng,
Chỉ đường Hồ-Hiền thẳng xông giục truyền.
Kịp hầu bốn giá đi liền,
Đến nơi Thiên mụ đò thuyền vắng tanh
Đánh thua Tôn-Thuyết hậu hành,
Giục truyền hầu giá lui quanh trở đường.
Trông thì chốn ấy sẵn sàng,
Hầu ngài tới đó tạm an sẽ bàn.
Là vì ý gã độc toan,
Hậu ra Tôn-sở liệu phương phục thù.
Các quan những kẻ theo phò
Sợ oai vâng mệnh dám mở cãi lời:
Xế trưa đi mới tới nơi,
Tôi đòi chạy dõi rã-rời tay chưng (chân).
Vả thêm đói khát quá chừng,
Lỡ là g hầm hát cũng dâng tạm dùng.
Cơm thô chút hãy đỡ lòng,
Mới rồi lại thấy lộ g dòn hối đi.
Rằng: « Tây đuổi tới sau kia,
N u mà chậm bước khôn, đi khỏi vòng! »
Xẩy nghe chi xiết hãi hùng,
Giá sau kiệu trước băng đồng ruổi mau.
Đi luồng hơn một giờ lâu,
Tới nơi Văn xá xin hầu vào đây
Từ đ ông thích-lý chốn này
Ng ỉ quân đỡ mất mô giây tạm đình.
Giám-từ vội vã sắ n-sạnh,
Dâng cơm chưa kịp phỉ tình tôi con.
Lại nghe xao xác nói ồn,
Trông thì vừa đốt, Tây dồn tới nơi.
Phải hầu Ngự giá kịp dời,
Một đo in tôi chúa lếch vời nhặt dong.
Mấy người yếu đuối ấu xung,
Thầy đều lạc-hậu khôn mong tiến tiền.
Thức chầ i đói khát ngỉ nghiêng
Trông theo kịp giá truân chiên chi nài.
Đến làng vừa đã tối trời,
Dọn nhà bá-hộ để ngài nghỉ ngơi.
Dân mà có dạ hẳn hoi,
Dọn bày cơm nước đãi mời quan quân.

(Xem tiếp trang 10).

(1) Câu « vâng lời Tường mới dời chân », bản nôm của trường Bác cổ sao được, có phê một câu rằng: « Tức thế, khả tiên Văn - Tường tâm - sự » nghĩa là « như thế, có thể biết tâm sự của Nguyễn-văn Tường » là gian hùng.

(2) Câu « Trẻ già la khóc vang rầy, xa trông mù đất khói bay lửa hằng », bản nôm phê 4 chữ « thiên-địa thảm », nghĩa là « trời đất sầu thảm »

Có nên tích trữ giấy bạc không ?

GIẤY BẠC LÀ HUYẾT MẠCH

NGÔ-CÔNG

Nếu có thể so sánh một nước như một người, thì nền kinh-tế của nước (1) là bộ tuần-hoàn của người. Máu chu-lưu trong bộ tuần-hoàn y như tiền luân-chuyển trong kinh-tế.

Người có khi ốm vì thiếu máu, vì thừa máu, hoặc vì máu chạy không đều. Kinh-tế một nước cũng có khi lâm vào nỗi khó khăn, vì thiếu giấy bạc, vì thừa giấy bạc, hoặc vì giấy bạc luân-chuyển không đều.

Thiếu giấy bạc là như hồi trước 1930 1936. Hàng-hóa ứ đọng vì không ai có tiền mua. Nhà buôn rao hàng mấy cũng vô hiệu. Nhà kỹ nghệ không bán hết sản phẩm. Đóng cửa. Thất nghiệp.

Nhiều giấy bạc là như hồi nay: 1940 1945. Nhiều đến nỗi ông cử bàn khoán không biết đặt tiền vào đâu cho chắc chắn, dùng tiền làm gì cho đỡ bận tủ sắt. Nhiều đến nỗi những bác phu xe coi đồng bạc rẻ như đồng cinq, đơ càng lắm cho, mất thì thôi không chịu chạy một cuốc chưa đầy cây số với cái giá hai đồng bạc. Nhiều đến nỗi lắm bà, thấy mà phải phát cáu, sao mà ngày người bán thịt, rau hái đưa, cũng có từng cuốn bạc năm, bạc hai chục, dùm bọc lôi thôi trong giải lưng!

Xét ra hiện thời bạc ai cũng có nhiều, mà lại quá — mà cũng cau-có vì bạc. Người sung túc thì ít, người đói khổ thì nhiều. Hàng trăm người chết đói trong một ngày, ở mỗi tỉnh, giữa cái thời-đại rất nhiều giấy bạc! Thật là một thứ bệnh kỳ-quái!

Lẽ ra, nhiều giấy bạc là triệu-chứng của sự thịnh-vượng chung cũng như nhiều máu là triệu chứng của sự sung-sức!

Bệnh nhiều máu nguy-hiểm chính không phải vì nhiều máu, nhưng vì máu luân-chuyển không đều, vì có ứ huyết, hoặc vì huyết quản có chỗ tê liệt.

Nhiều giấy bạc nguy-hiểm chính cũng không phải vì nhiều $, nhưng phần lớn là vì $ luân-chuyển không đều, vì có chỗ tích-trữ, hoặc vì lòng tin đặt vào $ bị nông.

Căn bệnh đã tìm ra. Chữa bệnh không đến nỗi khó, vì nhiều $ không phải là một bệnh bất trị.

Hai thuốc thứ nhất là phá phá ứ-huyết, bài trừ việc tích-trữ $. Bài thuốc thứ hai là phải nâng lòng tin, bồi-bổ và duy-trì lòng tin đặt vào $.

Trên kia đã nói: giấy bạc luân-chuyển trong nền kinh-tế một nước, y như máu luân chuyển trong bộ tuần hoàn một người. Số giấy bạc cần cho nền kinh-tế một nước có quyền hạn, y như số máu cần cho bộ tuần-hoàn một người.

Trẻ con có số máu của trẻ con; người lớn có số máu của người lớn. Nước nhỏ cần một số giấy bạc nhỏ, vừa đủ cung cấp trên thị-trường nước ấy; nước lớn cần một số giấy bạc nhiều hơn.

Sở phát hành giấy bạc; làm chủ nền kinh tế một nước, biết rõ số giấy bạc cần dùng trong nước. Sở ấy kiêng kỵ hai điều:

1 — không phát-hành một số $ quá số cần dùng — vì $ càng nhiều $ càng sụt giá: hại cho toàn nước vì sự sống càng ngày càng đắt, lại hại cho sở phát hành (chính-phủ hay ngân hàng) vì lòng tin của dân-chúng đặt vào $ bị thu lại;

2 — không phát hành kém số $ cần dùng — vì thiếu $ thì công thương sẽ bị đình-trễ, kinh-tế lâm vào nỗi quẫn bách.

Bởi thế, sở phát hành giấy bạc, dầu là chính phủ hay là ngân hàng dưới quyền kiểm soát của chính-phủ, bao giờ cũng liệu cung cấp một số $ vừa đủ chi dụng trong một nước.

Nhận xét như thế, ta thấy rằng: một số $ bị tích trữ, nằm lặng trong tủ sắt một tư gia, là một số $ thiếu cho sự sinh-hoạt cả nước — cũng như một số máu đọng ở một cơ thể là một số máu thiếu cho sự sống của con người.

Để bù vào sự thiếu-thốn ấy, quả tim phải làm việc gấp bội, liên-kết với bộ máy tiêu-hóa bộ máy hô-hấp, . . . để tăng thêm số máu luân chuyển trong huyết quản — sở phát hành giấy bạc cũng phải làm việc gấp bội, mua thêm giấy, in thêm bạc, để tăng số $ luân chuyển trong nền kinh tế.

Sau cuộc bổ-khuyết ấy :

Nếu số máu đã động có thể bài tiết ra ngoài bởi cơ quan bài-tiết, thì việc tuần-hoàn không còn bị đình-trễ nữa, công việc của bộ máy tuần hoàn và các «đồng minh» sẽ trở lại mực thường : con người hết ốm ; trái lại, nếu số máu đã động không thể bài tiết, lại làm động thêm một số máu mới nữa, thì bộ máy tuần-hoàn và « đồng-minh » phải làm việc gấp bội hơn nữa để cũng bị bế tắc bởi ứ-huyết, rồi cuối cùng, phần thì mỗi một phần thì bị cản-trở, cơ-quan hỏng dần : người ốm nặng rồi chết.

Cũng sau cuộc bổ khuyết ấy :

Nếu số $ đã động ở tư-gia có thể xuất ra ngoài do việc kinh-doanh kỹ-nghệ, thương-mãi, hoặc — cũng làm — do việc mua phiếu kho-bạc, phiếu quốc-trái, thì nền kinh-tế không còn bị đình trễ nữa công việc của sở phát-hành trở lại mực thường : giá $ lên (giá hàng-hóa xuống) ; trái lại, nếu $ đã động không xuất ra ngoài, một số $ khác lại bị tích-trữ, thì cơ quan phát hành cứ phải in thêm $, để $ càng sụt giá mãi, rồi cuối cùng, phần thì hết tin, phần thì tủ sắt đã đầy ứ, không ai thích $ nữa, người ta tránh $: $ sẽ là giấy vụn, hại cho hết thảy mọi người.

Máu cần phải chu-lưu trong toàn thân. $ cần phải luân-chuyển trong cơ-cấu kinh-tế.

Ở những nước « dân vi quí », chính-phủ tìm đủ mọi cách để tăng sự luân-chuyển của $

Mỗi người thợ, mỗi người làm công, đều có thể có một sổ để dành tiền ở sở Gây-thép [1], không khác gì mỗi tư gia, mỗi công-ty kỹ-nghệ hay thương-mãi đều có sổ lưu-trữ hay sổ luân-chuyển ở ngân-hàng.

Những số tiền — cố nhiên rất nhỏ — của người làm công để trong sổ để dành, được hưởng lãi có chính-phủ cấp, được dễ dàng lấy ra hay bỏ vào. Có thể nói rằng : những sổ để dành là những cái túi áo, những cái ví da của dân — những ví da không bao giờ bị rơi, bị mất cắp, bị cướp đặt, những ví da biết dùng von để lời.

Rất lợi cho người dân.

Cũng lại rất lợi cho kinh-tế toàn nước, vì những số tiền nhỏ — của một số người rất đông — không bị ứ đọng

Còn số tiền lớn của người giàu ?

Số tiền này không phải đựng trong túi áo, trong ví da. Thường ở trong tủ sắt. Không bị rơi, mất cắp hay cướp đặt. Nhưng có thể bị mất trộm và bị cháy (dẫu tả bằng sắt)

Dẫu không bị mất trộm hay bị cháy, số tiền bị tích-trữ đối với kinh-tế cả nước là số tiền đã mất rồi, mất vì số tiền ấy không luân-chuyển trên kinh-tế. Thiếu số ấy, kinh-tế kêu gào một sự cần-thiết : cơ-quan phát-hành bắt buộc phải in thêm một số $ mới, để bù vào số $ thiếu vì ứ đọng.

Ta lại cũng nên nhớ rằng : thường thường người giàu ít khi là người ngu. Họ biết hơn ai hết : $ muốn có giá, muốn được quí cần phải sinh lợi. Điều kiện này không bao giờ có, nếu $ cứ cần nằm trong tủ sắt. Cho nên, không chông thì chầy, người giàu sẽ phải mở tủ cho $ đi ra. Trong kinh-tế, lúc bấy giờ, ta thấy :

Một bên, số $ tăng rõ ràng,

Một bên, số hóa-phẩm (vật-hàng các thứ) còn đứng yên ở mực cũ. Đại phàm hễ cái gì càng ít thì càng quí, càng nhiều thì càng rẻ. Số hóa phẩm đứng yên ở mực cũ, số $ tăng : tức là giá đồi chác của $ phải xuống. *Người thiệt giàu nhất có phải chính là người có nhiều tiền nhất không ? Tích trữ $ là có hại.*

Để tránh sự thiệt-hại ấy, chỉ có một cách : không tích-trữ $.

Nếu mình tin ở chính-phủ nếu mình nghĩ rằng : chính-phủ còn thì tài-sản của mình còn, mình sẽ giao số tiền dư dùng cho chính-phủ, bằng cách mua phiếu kho bạc, phiếu quốc trái. Nếu mình đặt lòng tin vào một ngân-hàng, mình sẽ giao số tiền dư dùng cho ngân-hàng, bằng cách đổi số tiền dư dùng thành những con số.

(Xem tiếp trang 16)

1) của nước đang dùng tiền.
(2) Hay ở một công sở khác.

HẠNH THỤC CA

(Tiếp theo trang 7)

Mờ mờ truyền kíp dời chưng (chân).
Đến nơi tự-quán vừa chừng buổi trưa.
Nghỉ chân cơm nước một giờ
Qua nơi huyện Hải, huyện-đường chợ nghênh.
Kính dâng mọi lễ sắm sanh,
Lựa phu cất việc hộ hành thẳng ra,
Mấy nơi làng xóm trải qua,
Tấm lòng vấn bộc đều ra dâng thành.
Kiết bao đường xá gập ghềnh,
Ngày hai mươi bốn Trị thành tới nơi
Hành-cung dọn chốn nghỉ ngơi,
Tỉnh-thần Trương Đản truyền coi canh giờ
Mông-trần lao khổ tạm thời,
Lần nghe tiến-tước kinh-sư đường nào.
Văn-Tường mấy thứ sớ trao,
Thầy đều giấu giếm chẳng tâu thật tình.
Bỗ lòng, Phan-Thiên, Đề, tránh,
Lại cùng Nguyễn Phổ Lường-Thành theo sau
Luận bàn luống nhọc đo đắt,
Chẳng qua mình-lệ dọc nhanh ngoại truyền.
Gửi xin Tân sở kíp lên,
Ở đây thế ắt chẳng nên đâu là.
Trái lại, thái-hậu quở qua:
« Đi đâu cho nhọc, chẳng thà ở đây
Dù mà Tây có tới nơi (3)
Đã đành sống chết rủi may nhờ trời
Nguồn cao nước đóc xa vời
Nỡ đem tuổi tác đến nơi hiểm nghèo ».
Phán rằng: « Ta vốn đã liều
Huống đem tác cả đi theo thêm phiền.
Hãy phò thiếu-chúa cho yên
Mặc ai ở lại, chỉ truyền khá vâng. »
Sợ e nàng chẳng dám rằng
Vài ngày lại thấy bằng xưng chốn nhàn.
Rằng tàu Tây ở bên giang,
Xin hầu chúa thượng kíp loan tiến hành.
Nghe lời cùng dạ hãi kinh,
Ngập ngừng thiếu-chúa bái trình, xin đi.
Khôn cầm nước mắt biết ly,
Ân-cần khuyên dạ khá ghi tấc lòng,
Dặn dò lời nọ chưa cùng,
Bút đồn xin chớ thung dung trễ-tràng
Ta từ lên võng nội vàng,
Quan quân ủng vệ trông đàng ruổi mau.
Khỏi cung đặng một giờ lâu
Trở về các quan cùng nhau tâu quỳ.
Rằng: « Tôn-Thuyết chẳng cho đi,
Khiến đều ở lại hộ tùy ba cung » (4)

Thấy người đứng đến bên đường, tâu rằng « Có tôi là Nguyễn-văn-Tường chực đây ». Thái-hậu phán rằng: « Sự cơ đã đến như thế này thì nhà ngươi nên ở lại mới mong điều-đình ». Nguyễn-văn-Tường nghe lời lui lại. Xa giá vừa ra khỏi cửa (ngày 5-7-1885, hồi 7 giờ 30 sáng), thì dân theo sau. Thoạt trông rất là ngay-nan: đàng trước thì có người múa gươm, dân giáp xiêng giạt cả hai bên đường, ai cũng chỉ mong thoát nạn, nên chẳng tưởng gì đường xa rặm thẳng. Giá trẻ kêu-la khóc lóc vang trời, trông xa có đám lửa bùng lên, khói bay mù-mịt, lại cả đầu đốt quân rộn-rịp, toan mưu Tôn-thất-Thuyết làm cho mất lối đuổi theo. Thao-ô! dân sự tan-tành, vì gặp loạn nên mới đến nỗi thảm tình như thế này! Đi qua tới Kim-long, có giáo-sĩ ở nhà thờ mời vào xin dừng chân lại để dâng lòng thành, nhưng mà ngài tin được. Có Hồ-Thiên chỉ đường, thái-hậu lại giục đi. Bốn xe đi gấp liền nhau, tới Thiên-mụ chẳng có thuyền bè nào cả. Tôn-thất-Thuyết sánh qua đi sau, truyền cho hầu giả bỏ lại: chỗ trường tài sản sáng đã cả, xin hầu ngài vào đấy tạm nghỉ, rồi sẽ bàn. Vì ý Tôn-thất-Thuyết chỉ toan một đường, là ra Tân sở để liệu phương phòng thủ. Cả quan đi hộ giá thì ai cũng sợ oai vâng mệnh, dám đâu cãi lời. Xế chiều đi mới tới nơi, quân hầu đầy tớ đều mỏi mệt rờ-rã cả chân tay, vả lại đói khát quá chừng, vì lỡ làng cho nên cơm nước canh thì cũng dâng để ngài dùng tạm cho đỡ đói. Vừa xong lại thấy giục đi, rằng « Tây nó đã đổi ở đàng sau kia, nếu mà chậm bước thì khó đi cho thoát! » Chợt nghe ai nấy hãi-hùng, xe sau kiệu trước vượt qua đồng cho mau. Đi chừng hơn một giờ nữa, tới chỗ ấy là làng Văn-xá, có từ-đường thích-lý ở đấy, xin mời vào nghỉ để cho quân đỡ mệt. Chức giám-tự ở thích-lý vội vã sắm sửa cơm nước, chưa kịp tỏ lòng thành, thì lại nghe có tiếng ồn ào rằng: « Tây nó vừa đốt ở trường thi, sắp đến đến đây, phải mời ngự giá đi ngay! »

Vua tôi lại một đoàn thẳng đường chạy xa. Người yếu đuối nhỏ tuổi, hết thầy trụt lại, không thể theo kịp. Người chầu chực đói khát ngã nghiêng, cốt mong cho kịp xa-giá, chứ có kể chi khó nhọc. Khi đến lăng thì trời vừa tối, dọn nhà bá-hộ để ngài nghỉ ngơi. Dân mà có lòng tử-tế bẩm hoi, sửa soạn cơm nước để mời quan quân. Mờ sáng hôm sau đã vội vã ra đi, vào chừng buổi trưa thì đến nơi tự quán, vào nghỉ chân để cơm nước độ một giờ. Qua huyện Hải lăng có chức huyện thừa chực đón, kính dâng đủ mọi lễ, lại lựa dân phu, cắt mỗi người một việc để hộ hành. Đi qua mấy làng xóm, chỗ nào cũng ra đón và dâng lễ. Trải bao nhiêu đường xá gập ghềnh, ngày hai mươi bốn tới tỉnh thành Quảng-trị. Quan tỉnh Quảng trị là Trương Đăng cho sửa soạn hành-cung để ngài nghỉ ngơi, lại truyền canh giữ cẩn mật. Mấy hôm khó nhọc đã được hơi thư, còn để đó xem tin tức ở trong kinh thế nào? Bao nhiêu sớ tấu của Nguyễn-văn-Tường, các quan hồ-tùng đều giấu giếm không dâng lên. Quan hồ-tùng ở đây là Phan-Hiển, Trương-Đỗ Nghiễn-Hanh, Nguyễn-Phổ và Lương-Thành, đều cùng nhau bàn bạc lo sợ: Nếu cứ giấu mãi thì thành ra mình lại dọa mình thôi. Bàn luận xong, bèn tâu xin dời ra Tân-sở, vì ở đây thế tất là không yên. Thái-hậu nghe lấy làm trái tai, quở rằng: « Đi đâu cho nhọc, chẳng thà ở đây! Vì dù Tây có tới nơi, thì cũng mình sống chết một phen, còn sự rủi may là nhờ trời. Những chỗ nguồn cao nước độc xa xôi, nỡ bảo đem người tuổi tác đến nơi hiểm nghèo » Rồi ngài phán rằng: « Ta đã nhất định như thế, huống chi đem người già cả đi theo thêm phiền! Các ngươi hãy phò thiếu chúa đi cho yên, còn mặc ta ở lại. Chỉ truyền thì phải theo. » Các quan đều sợ hãi, chẳng dám nói năng. Được vài ngày lại thấy có tin vào tâu rằng. Tàu Tây nổ đã đậu ở bên sông, xin rước chúa thượng khởi hành ngay cho. Nghe tin ai nấy hãi hùng. Thiếu-chúa thì từ biệt thái-hậu, có vẻ ngập ngừng, giọt lệ biệt-ly ai mà ngăn cầm cho được? Dụ chỉ của thái-hậu rất là ân-cần cặn-kẽ, nên ghi vào lòng. Đang dặn dò chưa hết, thì các quan vào giục xin chớ trễ mà thêm lo. Thiếu-chúa vội vàng từ tạ lên võng, quan quân hộ vệ theo sau. Đi khỏi hành cung độ hơn một giờ, thấy các thái giám trở về tâu rằng « Tôn-thất-Tuyết không cho đi, bảo trở về hộ vệ ba cung ».

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

(3) Câu « Dù mà Tây có tới nơi, đã đành sống chết rủi may nhờ trời », bản nôm phê 2 chữ « định kiến », tức là thái-hậu có ý kiến nhất định đối Tây

(4) Về việc thành Huế thất thủ ngày 5-7-1885, tôi chưa tìm được tài-liệu mới bằng chữ nho hay chữ nôm, đành phải tạm dịch ba bức điện tín của tướng De Courcy gửi về chính phủ Pháp như sau này:

« Huế, ngày 5 tháng 7, 3 giờ sáng. — Công-sứ-quán và mạng-cả (trại lính của Pháp) thành-Đình bị tất cả quân trong thành đánh úp hồi 1 giờ sáng. Tất cả trại hải quân bộ binh (quân thủy lên bộ) lợp tranh ở xung quanh Công-sứ-quán đều bị hỏa-mai đốt cháy và bị người Nam đốt. Công-sứ-quán còn nguyên. Không thiệt hại may. Trại Mang ca là chỗ toán quân A rập thứ ba (tức lính Algérie) đóng, thì không thể biết xảy ra thương gì. Nhiều chỗ ở trong thành đang cháy: súng trường và súng đại bác đều bắn dữ dội. Xem đường lối tiếng súng thì tôi chắc là quân ở ngoài đã lui. Tôi giữ được cái nhà là để làm chỗ đánh giáp thép, và cho lính ra Hải-phòng để đem lính vào đây. Tôi không lo gì hết ».

« Huế, 5-7, 11 giờ sáng Thành đã vào tay ta, công với 1100 kí-lô đại bác. Quân ta đánh giỏi lắm, hoàn toàn tin là thắng. Thiệt hại nhỏ. Người Nam bắt đầu đánh từ 1 giờ sáng, nửa đánh chỗ ta đóng trong thành, nửa đánh Công-sứ-quán. Quân Nam nước độ ba vạn, trước hết dùng hỏa mai đốt cháy hết trại lợp tranh ở Mang-cả, và trại hải-quân bộ binh ở Công sứ quan. Quần áo cháy hết. Đạn dược và lương thực không việc gì. Công-sứ-quán bị đạn súng lớn bắn vào trăng trít. Đã phòng sẵn để đánh lui bọn phản công, có thể xảy ra đêm sau này, ít ra họ cũng đánh Công sứ quán. Ngài không lo gì cả. Tôi đã truyền quân đội chuyển thêm vào trại ».

Bức điện thứ ba nói: « Quân Nam bị chết độ 1200 đến 1500 người. Quân Pháp chết 23 người (trong đó có 4 sĩ-quan), 14 người bị thương nặng và 50 người bị thương nhẹ.

Phụ-chính Tường đã vào tay ta. Đã cho gọi hải-quân bộ binh ở Bắc pháo ».

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 22

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đến bài phú *Tiền xích-bích* và *Hậu xích-bích* của Tô Đông-pha thì không những ta làm theo lối văn ấy mà hồi, về thời khoa-cử, phàm học-trò đã biết làm văn đều viết bài *xích-bích* dán lên vách, treo lên tường, có người bồ vào vỏ lụa, có người sơn khắc vào gỗ, cho là một áng văn-chương tuyệt tác của Tàu. Bài phú *Bạch đằng giang* của Trương Hán-Siêu cũng bắt chước lối văn ấy cũng đặt theo lối vấn đáp để tả cái ám-chí của mình: Mở đầu có câu: « Khách có người trào cái phong-phàm (gương buồm đề trứng gió trăn-mạn (thần nguyên-khí của mình), nhặt vầng trăng dưới bể mênh mông; buổi sớm gió bơ chèo ở miền sông Ngoan sông Tương, tìm đến vào nơi thăm thẳm là Vũ-huyệt (hang cá hóa rồng ở Vũ-môn). Chín sông năm hồ ba nước Ngô trăm nước Việt, phàm chỗ nào có dấu chân người đến, đều đã lịch-duyệt qua... ». Cuối bài có câu: « Khách theo mà bát nối vần rằng: Hai vị thánh quân đời Trần) đều thông minh, ở sông này để rửa giáp-binh; bụi Hồ không dám động, ngàn tu thăng-bình; thế mới biết không phải tại non sông hiểm-trở, chính là ở cái đức tốt của mình to-lớn không ai ví nổi » (dịch theo *Hoàng Việt văn-tuyển*, q. 1, tờ 3 a đến 4 a) cũng như bài *Tiền-xích bích* ông Hàm đã đăng ở trang 215-217.

Ngoài năm nhà văn-sĩ, thi-sĩ ấy, văn chương của ta còn chịu ảnh-hưởng của Tàu nhiều lắm. Như bài « Hịch của Trần Hưng-Đạo dụ tướng sĩ » (*Hoàng-Việt văn tuyển*, q 7, tờ 1 b đến 4 b) thì bên Tàu có bài « Hịch đánh họ Vũ ». Bài biểu Lê-văn-Linh từ không nhận chức quân-dân bạ lịch đạo Hải-ấy (*Hoàng-Việt văn-tuyển*, q. 6, tờ 6 b 7 a xem văn Tàu có bài sớ của Vu Kiêm từ không nhận việc vua cho nhà ở (*Cổ văn hợp tuyển*, q. 11, tờ 29 a-30 a) Bài « bia miếu Vũ-mục-công ở Nam-giới » của Nguyễn-như-Đỗ (*Hoàng-Việt văn tuyển*, q. 3, tờ 15 a đến 18 b)

Văn Tàu có bài « bia Hàn-văn-công ở Trao-châu » của Tô-Thức (*Cổ-văn hợp-tuyển*, q. 12. tờ 41 a đến 44 b)..

Nói tóm lại, văn nho của ta không cứ là một lối gì, hình-thức đều bắt chước của Tàu, Lắm bài nổi tiếng sang Tàu, người Tàu cũng khen là hay, như bài *Bình-ngô đại cáo* của Nguyễn-Trãi và tập *Ngô gia văn phái* của nhà họ Ngô: văn tứ mới lạ, nhiều ý nghĩa xưa nay chưa từng thấy ai nói đến bao giờ thế mới biết người có văn-tài không chịu theo sáo cũ. Bởi vậy, trong bài ảnh-hưởng của văn chương Tàu, cần phải nói rõ: đoạn này ông Hàm thiếu, nên tôi viết qua ra đây, để khi tái bản ông liệu thêm vào.

***

Đến chương thứ tư trong thiên thứ hai, ở quyển *Việt-Nam văn-học sử-yếu* ông Dương Quảng Hàm đăng một bài đề là « Các nhà viết thơ văn chữ nho trong hai triều Lê, Trần » (từ tr 219 đến tr 239): thế là từ bài này trở đi mới hợp với ấn sách là *Việt-Nam văn-học*.

Duy có một điều, ông Hàm bỏ mất một đoạn về đời Đinh, Lê (968 1009). văn chương đời Đinh thì hiện giờ chưa tìm được bài nào, nhưng cứ xem trong sách Tàu (*Văn-hiến thông khảo*, q. 330, tờ 18 a) chép: « năm thứ bảy hiệu Khai bảo (974) đời Tống Thái-tổ, Đinh Lễ sai sứ sang cống phương vật, đáng biểu xin nội-phụ... », thì đời Đinh đã có văn chương rồi. Có người cho chiếu, biểu là công-văn, cố nghĩa cho rõ, chứ không phải là văn-chương: chính ra không phải thế lối chiếu, biểu là lời tứ lục hoặc biền ngẫu, người không có tài văn chương không làm nổi.

Đến văn thơ đời Lê, thì ngay năm 980 Lê Hoàn nối ngôi nhà Đinh, sai sứ sang Tàu đã g b ều mới là Đinh-Toàn xin nối ngôi : bài b ều ấy có chép ở *Lịch triều Hiến-chương, Bang-giao chí* (bản sao trường Bác-cổ, số A 50, q. 46, tr. 5 và 6). Năm đinh-hợi 987, nhà Tống sai Lý - Giác sang phong, Lê - Hoàn sai pháp sư tên là Đỗ-pháp. Thuận giả làm lái đò để đón, kẻ người họa thơ rất là cả : ý. K i sứ Tàu về có dâng Lê-Hoàn một bài Đường-luật Lê-Hoàn đưa sư Khuông-Việt xem, Khuông Việt tâu : « Thơ này tên bệ- ạ cũng như vua Tàu ». Lê-H àn khen, và bảo Khuông-Việt làm bài ca để tiễn' Mấy b i thơ ca này còn chép ở *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, (q. 1, tờ 18 a-b).

Đoạn thi gia đời Lý (tr. 219), ông Hàm chỉ chép một bài thơ tứ-tuyệt mở đầu là câu : « Nam-quốc sơn hà Nam đế cư » và hai tập thơ của hai nhà sư. Chép như thế cũng thiếu. Lý Thái-tông (1028—1054) có một bài thơ cổ-thể đưa cho các vị sư giả lời về ý-nghĩa đạo Phật và một bài thơ cận-thể khen sư của Pháp-vân. Lý Nhân-tông (1072—1127) có hai bài thơ cận-thể, một bài khen sư Giác-hải, một bài tặng sư Vô-hành : May bài thơ này đều chép ở bộ *Toàn-Việt thi-lục* (số A 1262, q 1 tờ 1 a-b) Đoàn- ai-Khâm làm thượng- ư đời Lý Nhân-tông (1072-1127) cũng có hai bài thơ cận t ể, viếng sư Quảng-trí và khóc sư Chân-không (*Toàn Việt thi-lục*, q. 2, tờ 1 a-b).

Còn bài « Nam-quốc sơn-hà... », ông Hàm cho là Lý Thường Kiệt làm « để khuyến-khích tướng sĩ » tr. 220) chưa chắc đã đúng : *Toàn-thư* (q. 3, tờ 9 b) chép là « Lý Thường-Kiệt đem quân đi đánh Tống đến sông Như-nguyệt, đóng trại chống giữ, tự nhiên một đêm quân-sĩ ng e rong đền Trương tướng-q ân tứ Trương-Hống ngâm bài thơ ấy ». Như thế thì chưa rõ của ai làm ra, nên. Lê-quý-Đôn không chép vào *Toàn-Việt thi- ục*

Ông Hàm lại bỏ mất cả một đoạn về văn - gia đời Lý *Hoàng - Việt văn - tuyển* (q 5, tờ 1 a đến 2 b) có chép một bài chiếu thiên- đô của Lý Thái - tổ (1009 - 1028) và một bài di chiếu của Lý Nhân tông (1072-1127) : ba bài chiếu ấy các sử ta đều có chép cả. Đây là m ũng thơ văn còn trong đó lại Trong sử lại chép những việc sau này : « Năm bính-thân 1056, Lý Thánh - tông dựng c ùa Sùng-Khánh ở phương Bắc-thiên, xây t áp mười ta tầng, cao vài mươi trượng phát ra 12000 cân đồng để đúc chuông lớn. Vua làm m nu-van bài minh) khắc vào » (*Khâm-định việt sử cương-mục*, q. 3, tờ 22 a). « Mùa đông năm đinh-mão 1087, Lý Nhân-tông đến chơi chùa Lãm-sơn (xã Lã n- ơn, hu ện Quế dương, tỉnh Bắ n nh), đem ba i yến c o quan thần, làm bài thơ, đầu bài là *Lãm-sơn dạ yến* « đêm an yến ở c ùa Lãm sơn » (*K âm định* q. 3, tờ 45b). Xem n ư t ế, t ì văn thơ đời Lý hãy còn n iều bà ; lâu ngày cũng có thất lạ , chứ không phải là không có t ăn. Vả lại đ i Lý đã mở khoa thi, có những ông còn tiếng về sau, như Mạc-h ền-Tích, Đỗ-thế-D ên, há lại không có văn- c ương hay sao ? Ông Hàm bỏ hẳn đoạn văn-g a đời Lý thì n ầm. Đến lần tá - bản, ông nên tham-khảo mà bổ chính vào.

Ở đoạn « thi-gia đời Trần » ông Hàm nói « các thi - gia đều có thi tập để lại » : câu ấy ó lẽ không đúng, như Đ nh - củng Viên làm quan ba triều Vua (Thánh - tông, N ân - tông và Anh - tông, 1258-1314 sung hàn - lâm, tước th ếu-p ó ; P ạm ngũ-Lão làm đến Đ ện súy thượng t ướng-q ân đời T ần Nhân tông và Anh tông (1279-1314) là như Mạc Đĩnh-Chi, Nguyễn-sĩ-Cố, Đỗ khắc-Chung, đều là nh ững bậc danh nho, Lương - tướng đời Trần, không thấy chép ông nào có tập thơ, chỉ hãy còn đâm ba bài truyền lại. Cứ bo *Toàn Việt thi lục* thì thi gia đời Trần c ó n năm m ươi ông ; nếu chỉ bề những thơ chép t ành tập, thì ông Hàm bỏ sót mấy ập sau này : *Củng cực lạc ngâm*, một quyển của Trần I h Tảo, ông Hàm chua vào đ ời qu ền *Việt âm thi tập* (tr. 213) triều Hậu Lê thì hơi khó xem Tả à con thứ Trần Thá ông (1225 1258) khi người Nguyên sang Siêm, Tảo đem ả nhà ầng Nguyên, rồi làm quan bên Tàu và chết ở bên ấy ; tên này làm trước k i hàng N uyên ; *Sâm lâu ập*, 1 quyển của Uy văn Vương đời Trầ tên là Toại ; *Phi sa tập*, 1 quyển của Nguyễn Thuyế ông Hàm c ép ở r. 107) ; — *Các đường di-cảo* 2 qu ền của Trần quang Tr ều Lạ ôn một quyển t ờ nói ề n à Phật của Trần nhân Tông (1278-1293) soạn

khi đi tu, đề là *Đại hương ấn thi*. Cũng có người không được nhiều bài thành tập mà cũng phải e ép, như Trương hán Siêu, Lê Quát, v. v., nhưng là Hồ quí Ly (1400) có ba bài, nên nói qua Hồ hán Xương (1400-1407) định lại phép tắc, mở kỳ thi thư (viết) toán (tính); vậy thì cha con họ Hồ không phải là không có công với văn học (ông Hàm có nói đến Hồ quí Ly ở trang 108 và 279, nhưng chỉ nói về văn nôm, không nói về văn chữ).

Đoạn văn ông đời Trần thấu bài *Phóng cuồng ca* của Trần quốc Tảng: Quốc Tảng là con thứ Hưng đạo đại vương, ba lần có công đuổi quân Nguyên, vua cho ra trấn lộ Hồng, sau lui về Tĩnh bang (xã Yên quảng, huyện Vĩnh lại, tỉnh Hải dương), dưỡng nhàn, thường lấy thơ ngâm thơ, nên có bài ca này: bài *Thanh-hư động kỷ* của Nguyễn-Phi khanh: Phi-khanh là con gái Trần nguyên-Đán. Đán có làm cái động ở núi Côn-sơn gọi là Thanh-hư-động để làm chỗ hoài hưu; — bài *Ma nhai-kỷ-công-văn* của Nguyễn-trung-Ngạn. *Ma-nhai kỷ-công* nghĩa là mà sườn núi chép công trạng. Chỗ khắc chữ ấy ở núi thuộc thôn Trầm-hương, huyện Tương dương, tỉnh Nghệ an mỗi chữ to bằng bàn tay, nét khắc sâu hơn một tấc. Nguyên năm giáp tuất 1334, Trần hiến tông (1329-1341) sai Nguyễn-trung-Ngạn sung chức phát-vận-sứ Thanh-hóa, vận lương đi trước để đánh Ai-lao, Thượng-hoàng đem đại quân đi sau đến Kiềm-châu (huyện Tương-dương) thì Ai lao trông lá chạy trốn, vua xuống chiếu cho Nguyễn trung Ngạn mài đá chép công trạng rồi về...

Đến đoạn nói về đạo Phật đời Lý (tr. 220) nên thêm: Vạn-hạnh thiền-sư, Không-lộ thiền-sư, Đạo-hạnh thiền-sư, sư Mãn-giác, sư Ngộ-ấn, sư Chân-không, sư Bảo-giám; mỗi vị đều có một vài bài thơ còn lại, hiện chép trong *Toàn Việt thi lục* Đời Trần ông Hàm nói « đạo Phật vẫn còn thịnh, nên có những tập thơ của các vị sư viết ra » (tr. 242) mà ở dưới chỉ dẫn nổi một tập *Ngọc tiên* của sư Huyền-Quang, như thế, thì hai chữ « những tập » của « các vị » nên xóa đi, và nên dẫn thêm sư Pháp-Thiên có mấy bài thơ chép trong *Toàn-Việt thi lục*.

Trang 220, lời cú số 3 nói về sư Bảo giác, ông Hàm chép « năm 1108, Lý-nhân-tôn, long phù Nguyên-hóa thứ 8 ». Chữ « Long » ấy nên viết hoa và chữ nguyên hóa xóa đi, vì tra trong đời Lý Nhân-tông có tám niên hiệu mà không có chữ nào là nguyên-hóa, chỉ có Long-phù, mà Long-phù thứ 8 chính là năm 1108.

Trang 230, trong bài thơ *Chu trung* tức sự của Phạm Sư-mạnh câu thứ 3, ông Hàm chép « mộng hương tọa đôi nhị-hà nguyệt » cả quốc ngữ, hữ nho đều viết chữ « mộng » mà bên thơ nôm (tr. 231) của Ngô-văn-Chấp dịch là « Hương đốt ngồi trông trăng bến Nhị », thế thì chữ « phần » nghĩa là « đốt » chứ không phải chữ « mộng », vì chữ « phần » viết « lâm » trên « hỏa » dưới, với chữ « mộng » « lâm » trên « tịch » dưới, dễ nhầm lẫn.

Câu thứ bảy ở bài *Thuật hoài* của Đặng-Dung, ông Hàm chép « quốc thù vị phục đầu tiên bạch » (tr. 232) *Toàn Việt thi lục* (q. 4, tờ 25 a) chép là « quốc-thù vị báo... ». Cứ kể ra thì chữ « phục » với chữ « báo » ý nghĩa cũng giống nhau, nhưng chữ « báo » hay hơn, và bản nôm của Phan-kế Bính dịch là « Thù trả chưa xong đầu đã bạc » (tr. 233), thì chữ « báo » vẫn sát nghĩa hơn.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ-

GIẤY BẠC...

(Tiếp theo trang 9)

Chính-phủ không dam hãm $ của mình. Ngân hàng cũng không giữ vàng $. $ sẽ được bỏ ra để khuếch trương những việc ích chung (làm đường sắt, khai sông dẫn nước vào ruộng v. v...) $ sẽ được bỏ ra để kinh-doanh thương-mại và kỹ-nghệ (lập công-ty bảo-hiểm, công-ty vận-tải, xưởng máy v. v...).

Nhờ ở sự khuếch-trương và kinh-doanh ấy $ luân-chuyển đúng tốc-lực trung bình, sở phát-hành lượng đúng số $ dủ cần cho kinh-tế: giá đồi chác của $ đứng yên, đời sống của mọi người được chắc-chắn. Đó mới thật là thịnh-vượng chung.

Từ trước đến nay, ta không có một chính phủ để tin, ta cũng không có một ngân-hàng để đổi tiền thành con số. $ vẫn bị tích-trữ, đến nỗi giá sinh-hoạt cao vọt lên, gây thành cái thảm-trạng hiện-thời.

Từ nay trở đi, ta đã có một Chính-phủ dân-chủ cộng-hòa để tin, ta lại sẽ có một quốc-gia ngân hàng để gửi tiền, ta sẽ không tích-trữ $ nữa.

NGÔ CÔNG

GÓP VUI

« Thề quần thần »

Một Cụ Lớn kia, người vùng bể, xứ Bắc-kỳ lúc thiếu thời xuất thân làm người hơi béo, sau gặp được viên quan cai trị dùng làm bồi.

Ngày tháng qua, viên quan cai trị thăng mãi, thăng đến chức Khâm-sứ Trung kỳ, và cũng trong thời gian thày thăng tớ cũng thăng, từ « bồi » đã đến trị châu, rồi tri huyện, tri phủ, án-sát, bố-chánh và Tổng-đốc cũng trong một tỉnh ở Trung-kỳ.

Người ta kể rằng không biết nhân dịp « Cụ Lớn » ăn thọ, hay thuyên thăng vào kinh làm thượng thư, (vì sau Cụ Lớn làm đến thượng thư lại được phong cả Nam tước), văn thân trong tỉnh nọ đã mừng ba chữ « Thề quần thần ».

Cho là chữ đẹp và lại của văn thân một tỉnh có tiếng là văn-hiến Cụ Lớn treo mãi, cho đến khi không biết vì lẽ gì Cụ Lớn bị bãi về với cái tàm Tuần phủ và trở lại quê nhà đất Bắc, Cụ Lớn vẫn còn treo chỗ ngồi chơi.

Người ta lại kể rằng một hôm có một nhà nho vào thăm nhìn thấy ba chữ trên kia, xin Cụ Lớn cho cắt đi, Cụ Lớn cứ gặng mãi bất đắc dĩ ông ta phải bảo rõ, thì có gì đâu : « quần thần là « bầy tôi » mà « bầy tôi » nói lái lại thì chính là thân thế cũ của Cụ Lớn khi xưa.

Không biết con thịnh nọ của Cụ Lớn đến bực nào ?

Cái thủ bò

Năm ấy — không nhớ một năm nào — về triều hiệu Duy-Tân, trong Bộ Lễ sức quan lại tỉnh nọ tế đình (văn miếu) trong tờ sức lại nói rõ, không biết vô tình hay hữu ý, quan lại vào mệnh bài ở chính miếu và đền Khải thánh phải là khoa mục xuất thân.

Rủi thay, tỉnh ấy ông Tổng đốc lại là người xuất thân lối ngang tắt, thành ra ông Đốc bọc dỗ Đình nguyên khoa Tân sửu và ông án-sát dỗ Cử nhân khoa Tân mão phải thay mặt hàng tỉnh làm lễ.

Tế lễ xong, giá cứ im đi thì không sao, đằng này nhà nho có dịp trêu tức một vị đồng liêu bèn lên mặt, sai người tự-tiện đem một cái thủ bò lên hương án, rồi bắt ám tỉnh ở nước về dinh Đốc bộ biếu ông Tổng-đốc.

Bế là mình bị trêu, viên này cứ lặng thinh ; rồi không hiểu từ đâu, lại hôm sau, học trò đến dinh ông Đốc nghe sách thấy thì thầm bàn tán về một bài thơ mà mà chúng tôi chỉ nghe lỏm được bốn câu :

Nhờ ơn cha mẹ được làm to
Văn chương chữ nghĩa dốt như bò

. . . . . .

Thôi thôi thu xếp về đi chứ
Ở lại làm chi chúng chửi cho

Nhưng cuối năm ấy ông án-sát vô cớ bị đổi lên một tỉnh đường ngược, ông Đốc cũng cùng một số phận ; quả báo oan của « Thủ bò » ngay nhãn tiền !

TIÊN-ĐÀM *thuật*

Hiến pháp Ngũ quyền

(Tiếp theo trang 6)

nhân nghĩ với quyển sách đó đã tỏ rằng người Mỹ họ cũng nhận thấy cái chỗ không hoàn toàn của Hiến pháp nước họ mà tính sự bổ cứu, có điều là cái bổ cứu ấy, nào đã đem đến được sự hoàn hảo cho hiến pháp đâu. Chẳng hạn như điều này : Ở nước Mỹ, có rất nhiều quan lại do dân tuyển cử mà lên. Song tuyển cử là một việc rất phồn tạp mà sự lưu tệ cũng nhiều, phân đó mới nghĩ ra một cách hạn chế sự nhân dân tuyển cử, phải người có tư cách mới được có quyền tuyển cử ấy. Song lấy tài sản làm tư cách, tế phải có bao nhiêu tài sản mới được có quyền tuyển cử không có tài sản thì không được có cái quyền ấy. Cách hạn chế tuyển cử như thế, đối với trào lưu ngày nay, trái hẳn với tôn chỉ bình đẳng tự do, và sự tuyển cử cũng rất có thể tác tệ được. Mà đối với những người được tuyển cũng chẳng có phương pháp gì có thể biện là xứng đáng, định bổ cứu mà chỉ hạn chế người tuyển cử cũng không phải là phương pháp tốt. Cái phương pháp rất tốt là phải hạn chế ngay người được tuyển cử. Nhân dân bất kỳ ai cũng có quyền tuyển cử, đó tức là phổ thông tuyển cử, mà cử là đều nhân dân các nước gần đây vẫn cố sức đòi cho kỳ được. Song phổ thông tuyển cử ấn hà hay thật có điều là phải tuyển lấy người thế nào mới được cử ? Nếu không có một cái tiêu chuẩn mà bắt cứ làm các việc phổ thông tuyển cử, thì cũng ấn có nhiều

điều dở. Ông nhân nghĩ những người ra làm nghị viên hay làm quan lại, tất phải là có tài có đức hay có cái năng cán gì, chứ nếu không, chỉ nhờ vào sự cố tiền của thì sao cho phải. Do đó mà ông nghĩ đến cái cách chọn lựa nhân tài của Tàu đời xưa là cách khảo thí và do đó, ông nghĩ nên đặt ra một cái quyền gọi là quyền khảo thí, Ông cho rằng đặt ra quyền này và thêm với quyền đàn hặc tức là giám sát, cộng với ba quyền nguyên có của hiến-pháp nước Mỹ thành ra năm quyền thì sẽ bổ-cứu được những chỗ khuyết điểm trong hiến pháp ấy. Hiến pháp ngũ quyền sẽ là một bộ máy rất linh động để cứu nền chính trị một nước đến chỗ mỹ mãn hoàn toàn. Sau này trong việc dùng người của quốc gia, phàm kẻ sung vào chân công bộc, đều phải qua sự khảo thí, chứ không thể bừa bừa mà chen chân vào Trong một bài giảng diễn nói về hiến pháp ngũ quyền, Tôn tiên-sinh có viết một đoạn khá có hứng vị như dưới này:

« Còn nhớ khi tôi mới đến Quảng-châu, có nhiều người đến xin làm việc, nhưng tôi không biết người nào có tài cán và người nào không có tài cán. Hãy giờ chính phủ chính đương cần dùng đến người mà khổ nỗi không có người dùng. Nguyên nhân ấy chỉ vì cái bệnh không có sự khảo thí, dù có kẻ sĩ kỳ tài sẵn cái bản lĩnh biết bay tung lên gió đi nữa, nhưng ta không có cách gì để mà hiểu được, vì thế mà đó cho mai một biết mấy nhân tài, chỉ bởi cái cớ không có cách khảo thí. Có một số người không hiểu chính-trị, vậy mà cũng đòi ra làm quan, diễu lắm trò chẳng ra sao cả, khiến cho nhân dân phải oán hận. Trước đây mấy hôm trong nhà tôi định tìm người bếp, ban đầu tôi không biết kiếm đâu ra được người ấy, sau tôi bận đến một tiệm ăn để nhờ người tiệm ấy tìm hộ. Các ngài thử nghĩ ta sao tôi không đến tiệm thợ mộc nhờ tìm mà tôi lại đến nhờ tiệm ăn? Chỉ vì tiệm ăn là cái trường học chuyên-môn của những người làm bếp, chắc ở đấy phải có những người bếp tốt. Ấy ta tìm một người bếp chỉ là việc nhỏ thế mà còn phải đến cái chỗ chuyên môn mà tìm như thế huống chi là việc lớn của quốc gia ư? Mới biết khảo thí thật là một việc rất khẩn yếu không có khảo thí chúng ta hầu như không còn biết lỗ nào mà lần. Thí dụ bây giờ nghị hội hàng tỉnh, đến kỳ phải tuyển lấy 80 nghị viên mà có 300 người đủ tư cách ấy thì ta sẽ tuyển ở trong số 300 người ấy. Ở bên Mỹ những dịp tuyển cử, thường hay có làm chuyện buồn cười. Còn nhớ một lần có hai người tranh cử, một một là bác-sĩ tốt ngũ ép ở trường Đại-học, và một là phu kéo xe. Đến ngày sắp tuyển cử, hai người cùng đi diễn thuyết để cổ động. Vị bác sĩ học vốn cao thâm, diễn giảng đều là những thiên-văn địa-lý, nhưng lời diễn giảng của ông ta, chẳng được người ta hiểu rõ mấy. Người phu xe cũng heo sau lên đàn diễn nói. Các ngài không nên cho ông ta là một bác-sĩ, ông ta chỉ là anh chàng ngoa sách mà thôi. Ông ta nhờ sức của cha anh được theo học ở nhà trường, còn tôi không có sự giúp đỡ của cha anh nên tôi không thể đi học được. Ông ta nhờ cha anh, còn tôi thì tự nhờ ngay mình, vậy các ngài thử so sánh xem ai là người tài giỏi. Các cử-tri nghe rồi vỗ tay rầm rộ mà nói: cái người bác-sĩ diễn thuyết không hay, chúng mình nghe chẳng hiểu gì hết, không như người phu xe này nói hợp tình hợp lý lắm. Kết quả rồi người phu xe được trúng tuyển.

Đây các ngài coi, trong hai người ấy một là bác sĩ, một là phu xe, kể về học vấn, cố nhiên bác sĩ hơn người phu xe nhiều, thế mà bác sĩ lại không trúng tuyển, ấy chính vì cái duyên cớ chỉ có tuyển cử mà không có khảo thí cho nên những dịp tuyển cử ở nước Mỹ thường hay có những chuyện buồn cười tức bụng. Nếu có khảo thí thì tất chỉ những người có tài có đức mới có thể ra mà đương vào cái chân công-bộc... »

Ấy cái nguyên nhân mà Tôn Trung-sơn nghĩ đặt ra hiến pháp ngũ quyền là như thế trong khi ông còn sống, nước Tàu còn năm bè bảy bố, công việc cách mệnh còn bừa bộn, ông còn phải lo về quân sự, chưa lúc nào rỗi để kiến thiết chính trị, cho nên ông chưa thực hành được cái hoài bão của mình. Nhưng sau khi ông mất đi, các nhà cách mệnh nối chí của ông, đã đem thực hành cái phương pháp chính trị ấy, cho nên trong chính phủ Tàu ngày nay, có đặt ra năm viện là khảo-thí, lập pháp, hành chính tư pháp và giám sát, chưa biết cái chính trị ngũ quyền đó, thi hành ở Tàu kể lâu nay, có được mười phần hương bảo không?

TRÚC-KHÊ

Bụi đời... gió cuốn

Một bản án kỳ dị

Tòa án Việt-nam của nước Việt-nam độc-lập vừa phạt một người có tội nhớ là ba vạn quan tiền vạ.

Nghe đâu sau khi xử xong, quan tòa cho gọi bốn người tùy phái vào khiêng bản án ấy cất vào tủ, nhưng nặng quá, khiêng không nổi.

Bản báo chủ-nhiệm bao giờ cũng muốn biếu độc-giả thân yêu những tin sốt, dẻo và xác-thực vội vàng phái kẻ này đi điều-tra để xem tại sao lại có sự lạ-lùng như thế? Tại sao mấy tờ giấy « ranh con » lại quái ác sinh ra nặng đến như thế?

Kẻ này đã đến, đã nhìn và đã điều-tra rất kỹ-càng

Thì ra sinh yêu tác quái không phải là mấy tờ giấy mỏng dính mỏng dính mà là do cái số... ba vạn quan ở trên những tờ giấy ấy. Khi anh em tùy phái đến khiêng tập hồ sơ để nhét vào tủ thì chúng kêu dằm lên, bám chặt lấy bàn nhất định không chịu đi, lấy cớ rằng « ba-ba » sinh ra chúng nay đã «đi tây», chúng xin đi theo để cho chọn niềm thần tử, sống chết, chúng cũng xin về « nước mẹ », chứ chúng không đành tâm nằm yên trong sổ tổ nước Việt-nam để mang lấy cái tội bất-hiếu.

***

Nhân-viên nhà báo chúng tôi đã làm đầy đủ phận sự thông tin đối với các ngài, bây giờ đến lượt các ngài nên tự hỏi:

— Tại sao quan tòa Việt-nam của nước Việt-nam độc-lập phạt một người Việt-nam lại đi phạt bằng đồng « phờ-răng » là thứ tiền-tệ của nước Pháp?

Bốn phép tính không khó, cái khó là biết nghĩ đến sự đàng bốn phép tính ấy cho phải lẽ và phải lẽ và phải chỗ

CÔ-LÝ

SO SÁNH...

(Tiếp theo trang 2)

Nước Pháp đứng xuống hàng ngũ một nước thứ hai thời dù có được một nhóm quân đội Anh giúp cũng không có thể quay lại giữ chủ quyền ở Việt-nam được!

Tình hình quốc-tế bây giờ hoàn toàn lợi cho ta và hại cho Pháp! Chính-sách thực dân theo lối Anh Pháp-Hà-lan chắc chắn là sẽ bị hủy. Ở Á đông một kỷ nguyên mới sẽ bắt đầu: các dân tộc giải phóng sẽ cộng tác với nhau và với các cường-quốc trên lập-trường kinh tế và văn-hóa *Nước ta sẽ bắt đầu sống một đời quốc tế.*

***

Về cuối đời vua Tự-đức, có nhiều người điều trần hòa với Pháp nhượng cho họ Nam-kỳ còn thời giữ vững nền tự-chủ ở Trung-Bắc hai kỳ. Nhiều người cũng đã nghĩ là ta không có thể cô-lập được và phải theo như Xiêm sống với tất cả các cường-quốc.

Bây giờ, chắc không có ai nghĩ tới sự hòa với Pháp nhưng *còn nhiều người nhầm độc-lập với cô-lập.*

Sự độc-lập của ta thuộc một phong trào quốc-tế thời sau khi độc-lập ta phải thuộc về quốc tế.

Như thế, ta mới có thể duy-tân nước ta được! Mà ta sẽ phải duy-tân.

Độc-lập mà không duy tân thời vô ích.

Duy-tân trong địa-vị độc lập cùng với các nước nhỏ và theo gương các nước nhớn với sự giúp đỡ của họ là bước lên con đường tiến bộ vậy.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

KỊCH DÀI BẰNG THƠ

Yêu - Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

SỐ 7

Lớp III

Yêu Ly. Ngô hạp Lư. Quân sư. Võ tướng
Kẻ tả hữu. Vợ con Yêu Ly

(Con Yêu ly từ trong chạy ra, mẹ và kỏ tả theo ra sau)

Con Yêu Ly

Phụ thân, phụ thân. Người cầm gươm sáng
Ra sau nhà đòi giết mẹ và con

Vợ Yêu Ly

Phu quân ơi, thiếp chưa thật hoàn hồn!
Sao đến đòi giết và con lẫn mẹ,
Chàng dạy rõ cho thiếp tường mọi lẽ

(Mọi người đứng dậy — phút im lặng)

Yêu Ly

Hiền thê ơi! lời ta nghẹn nơi môi,
Chưa nói ra lòng đã xốn xang rồi. . . . .
Vì việc lớn muốn thi-hành nhục-kế
Để Ly qua trá hàng bên Khánh-kỵ
Nên Ly bàn đem giết cả thê nhi
Và hiền thê ơi! và chặt đứt tay Ly.
Để họ-Khánh không hiềm nghi dung-nạp,
Đây Ngô chúa trải mưa dầm nắng đáp
Bốn tìm ta truyền nghĩa sự ghé vai

(Vợ Yêu Ly thi lễ)

Tự bao giờ nàng đã hiểu chí trai
Tuy ẩn-dật vẫn đợi ngày lộ-diện
Hiền-thê hỡi, lòng quyền con ngộ biến. . . .
Đêm nay thôi đành vĩnh biệt phệ-nhi

(Vợ khóc)

Còn trên đời một mình sức Yêu Ly
Sẽ xin gắng trọn đường đi chẳng thoái
Hiền-thê-tử dẫu La xa thế-giới,
Xin theo ta ngoài cõi rét phong sương.
Hiền thê ơi, hôm nay ta lên đường
Đời lũi-thủi một mình ta sống trọn
Nhưng trên khổ đau, hãy còn lẽ khác thiêng liêng
Nàng cùng ta xưa đã có lời nguyền
Gặp nghĩa-sự sẽ vì nhau sống thác

(Vợ lau nước mắt trấn tĩnh)

Cần chi nói, lòng ta đau muốt xát...
Bao nhiêu năm nàng sống cạnh hàn-nho,
Ta tủi thân nam-nhi, tốn vải học trò. .
Nay gặp chúa như cá kình gặp nước.
Người phải chết, có kể gì sau trước.
Chết anh hùng mới là chết nên ghi,
Ngày nay thôi, vợ Yêu Ly, con Yêu Ly
Vì nghĩa trượng sắp về nơi chín suối.
Hiền thê hỡi, nàng nhớ không tự buồi
Trời xe duyên run rải trên cường xa,
Khung cửi quay đánh nhịp suốt canh gà,
Nàng đã thức những đêm tà đã khóc .
Cần bên Ly, ôi bao nhiêu khó nhọc!
Nay đáp đền ta hiến vợ thanh gươm
Để chết đi trong cái chết anh-hùng —

(sau đến con)

Và con nhỏ, ôi mây thanh mát sáng!
Một nửa đời ta ...Khi còn trong tháng
Ước mong con sau bốn bề tung-hoành
Nay chưa lớn khôn, nghĩa-sự đã chung phần :
Cùng phụ-mẫu thác một lần anh-hiệt

Lòng ta lẫn buồn vui khôn nói xiết...
Hiền thê ơi, thôi vĩnh-biệt, tiểu nhi ơi!

Vợ Yêu Ly.

Ngại thiếp buồn chàng lo quá xa-xôi.
Tuy nhi nữ không am tường việc lớn,
Nhưng nếu chết cho sự thành công trọn
Thì sá chi một đời thiếp mong manh!
Thiếp thác đi, chàng qua đó công thành.
Về chín suối cũng toại lòng một kiếp.

Con Yêu Ly.

Con chỉ nghe lời cha phân, mẹ tiếp
Đoán đâu rằng nếu chết sẽ vui cha
Mẫu sao đừng gót mẹ phải lìa xa.

(nắm áo mẹ)

Vợ Yêu Ly.

Không, con sẽ cùng đi thăm với mẹ
Miền non núi, hoa thơm, cỏ mềm đẹp-đẽ.

Quân Sư.

Mắt quáng lu hay tai lão nghe nhầm?
Khóc da nhân lệ ứa khó ngăn cầm,
Lòng cao-trượng tự nghĩa xưa chửa thấy.

Võ-tướng

Cha đúc khuôn con, chồng nào vợ nấy,
Máu anh-hùng trong mạch huyết thư-sinh.

Ngô hạp Lư

Nói dăm câu không giải rõ hết tình,
Ngô đành chỉ biết làm thinh ứa lệ.

Yêu-Ly

Chúa truyền lịnh thi hành ngay kẻo trễ.

Vợ Yêu Ly

Xin Ngô hầu chớ bận dạ buồn lo
Thiếp thác đi sẽ nằm dưới mồ
Mừng nghiệp-bá của hầu thêm vững chãi

Ngô-hạp-Lư

Nghe lời nói thêm ruột từng khúc tái
Biết lấy chi bày tỏ một đôi phần!
Sống một ngày còn ghi nhớ thâm-ân

Vợ Yêu Ly

Ở Ngô-chúa bận làm chi ngọc thể!
Thân tiện-thiếp bỏ vào đâu mà kể

Ngô-hạp-Lư

Vì giang-san xã-tắc của nghìn năm.
Nên chốc đây vĩnh-viễn phu nhân nằm,
Nghìn năm sẽ không mờ gương nữ-liệt

Yêu Ly

Tâu Ngô-chúa, đã giờ lâu luyến tiếc
Xin lịnh truyền cho tả hữu xuống tay

(quay lại vợ con)

Hiền-thê đi, Ly sẽ nhớ muôn ngày,
Lòng cha sẽ theo con sang cõi ấy.
Ngày nay tỉ đi đâu xa vắng vậy.
Xin Ngô hầu ngài hạ lệnh đi cho

Ngô-hạp-Lư

Thôi tướng quân đem mạng phụ..

Ra bến đò.

Yêu-Ly

Cảnh gươm máu sẽ bày ra muôn mắt
Lời đồn sẽ bay xa lên hướng Bắc,
Ly đến hàng, khánh kỵ mới tin cho
Tướng quân đi Đây là hướng bến đò.

(Võ tướng, kẻ tả cùng vợ con chào rồi đi
Con ngoái lại vẫy, Yêu Ly cười với con)

Lớp IV

Yêu-Ly. Ngô hạp-Lư. Quân Sư. Kẻ-hữu

Yêu-Ly

(Sau khi vợ con đi khuất)

Còn Ly nữa, tay này xin chặt đứt

Ngô-hạp-Lư

Chặt tay Ly ruột hầu đau mấy khúc!

Yêu Ly

Ngô-gia còn do dự mãi sao nên!
Thôi đao quân lời chúa đã ban truyền
Ngươi hãy khá thi-hành mau thượng lệnh

(vào cùng kẻ hữu)

Ngô-hạp-Lư

(ngăn lại và dặn:)

Quân, cẩn-thận chớ kéo dài đau đớn
Gươm ngươi đưa là chảy máu cùng-thần
Đứt tay rồi, ngươi bẩm thước cho nhanh

Kẻ hữu

Thừa mạng.

(Kẻ hữu cùng Yêu Ly vào)

Lớp V

Ngô-hạp Lư. Quân Sư.

Ngô hạp Lư

Ngô mở mắt hay là xem ảo-ảnh?
Bấy trời tựa cho Ngô mau dứt Khánh,

Và đinh-ninh đường sẽ gặp duyên may,
Nhưng cô-gia chưa kể tường cố ngày
Trừ Khánh-ky lại dùng tay ẩn-sĩ.

Quân-Sư

Đời lại có con người nuôi ngũ-khí
Trong thân-hình yếu đuối như cây lau

Ngô hạp-Lư

Ngô xót lòng vì mới gặp nhau
Ly đã trải tim vàng ra giúp chúa
(ở trong có tiếng gươm chặt)
Tiếng gươm chặt! Trời ơi sao gấp quá!

Lớp VI

Yêu Ly. Ngô-hạp-Lư. Quân sư. Kẻ-bưu.
(Yêu-Ly theo kẻ bưu ra, sắc mặt tái xanh, tay chỉ còn một cánh)

Yêu-Ly

Thuốc êm nhiều, và chẳng đớn-đau chi.

Quân-Sư

Cánh tay ngài, thời giờ! Yêu-Ly

Yêu Ly

Lìa thân thể để lòng tin Khánh-ky.
Giờ không phải để lời ra ủy mị,
Xin chúa về cho Khánh-địa Ly sang.
Hôm nay Ly tay một cánh lên đàng
Chẳng chóng sẽ có tin về Ngô-chủ

Ngô-hạp-Lư

Cầu thiên-địa cho nhiều lành ít dữ.
Không cánh chim tình quấn-quít theo chân

Quân-sư.

Nhưng yêu công sang đấy, một khi gần
Bên Khánh-ky

Yêu Ly

sẽ làm xong thủ đoạn
Ly có kế để cầm đầm giáo sáng
Suốt qua thân chàng họ Khánh đa nghi

Ngô-hạp-Lư

Ngô hoang-mang không biết lo sầu gì.

(*Còn nữa*)

LƯU-QUANG-THUẬN

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 210

So sánh tình hình quốc-tế của nước Ta và nước Pháp 1847-1945 — *Nguyễn thiệu-Lâu*
Kháng chiến — *Kiến-Xương*
Cuộc hội đàm giữa Hồ chủ tịch với các nhà báo Hoa Mỹ Việt Pháp. — *Nguyễn tường Phượng*
Hiến pháp ngũ quyền của Tôn trung-Sơn — *Trúc-Khê*
Hạnh thực ca (X) — *Nguyễn-văn-Tố*
Giấy bạc là huyết mạch — *Ngô Công*
Việt-nam văn học sử (XXII) — *Ưng hòe*
Góp vui — *Tiên-Đàm*
Bụi đời gió cuốn — *Cổ-Lý*
Kịch Yêu-Ly (VII) — *Lưu-quang-Thuận*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30$00
Ba tháng	15$00
Một số	1$20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Đông Tân — *Hà-nội*

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-văn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-dương

T.T.T.C.V.H. : Do nghị định số 18 ngày 8 tháng 10 năm 1945 của ông Bộ trưởng Bộ Nội Vụ
Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng — Nhà in Tri-Tân số 95—97 phố Đông Tân Hanoi